

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 10 - 2019
Về việc: “L hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “L hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị Kha L**, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã T L T, huyện G T, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* **Lê Văn P**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G B, xã T L, huyện B Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2019 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Kha L trình bày:*

Chị và anh P cưới nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2012, Quyền 01/2012 ngày 27/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh P đã L thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu L hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhật Bảo K, sinh ngày 18/4/2012. Hiện con chung đang sống chung với chị L, chị yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là 745.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong các lần mời hoà giải, làm việc cũng như tại phiên toà anh Lê Văn P đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải, cũng như xét xử là không chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu L hôn của chị Trần Thị Kha L đối với anh Lê Văn P.

Về con chung: Chị Trần Thị Kha L được nuôi con chung tên Lê Nhật Bảo K, sinh ngày 18/4/2012. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng là 745.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: chị L khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Lê Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kha L và anh Lê Văn P kết hôn vào năm 2012, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L T, huyện G T vào năm 2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó sống L từ năm 2015 cho đến nay chị L và anh P đã không còn sống chung, chị L cho rằng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống điều đó cho thấy đời sống chung giữa chị L và anh P đã phát sinh mâu thuẫn, giữa chị L và anh P đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời anh P và chị L để hoà giải cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu L hôn của chị L là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu L hôn của chị L với anh P được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống chị L, anh P có 01 con chung tên Lê Nhật Bảo K, sinh ngày 18/4/2012. Chị L yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay cháu K đều sống chung với chị L và chị L nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu K cũng có nguyện vọng sống chung với chị L nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để chị L nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L;

Chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh P không trực nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho người trực tiếp nuôi con là chị L theo quy định tại Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng chị L yêu cầu 745.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật

nên được chấp nhận. Do đó buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[3]. *Về tài sản chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí* : Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Trần Thị Kha L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu L hôn của chị Trần Thị Kha L đối với anh Lê Văn P. Chị Trần Thị Kha L được L hôn với anh Lê Văn P.

[2]. Về con chung:

Chị Trần Thị Kha L được nuôi con chung tên Lê Nhật Bảo K, sinh ngày 18/4/2012.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2019).

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Kha L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005812 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Trần Thị Kha L đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Kha L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Lựu